

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Số: 43 /2021/CBTT - CMC

(V/v: Báo cáo tài chính năm 2020 đã  
được kiểm toán)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Trì, ngày 03 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần CMC
  2. Mã chứng khoán: CVT
  3. Trụ sở chính: Lô B10, B11 – KCN Thụy Vân – Xã Thụy Vân – TP Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ.
  4. Điện thoại: 02103 991706 Fax: 02103 991800
  5. Người thực hiện công bố thông tin  
- Họ và tên : Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Tổng giám đốc  
- Địa chỉ: Phường Vân Cơ – TP Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ
- Loại thông tin công bố:  24<sup>h</sup>  72<sup>h</sup>  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**6. Nội dung thông tin công bố**

**Công bố thông tin: Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần CMC đã được kiểm toán.**

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04 /03/2021 tại đường link: <http://www.cmctile.com.vn/cac-thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Trân trọng thông báo!**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi

- Lưu: TCHC

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nguyễn Quang Huy**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2-4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5-6</b>
<b>Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán</b>	<b>7-44</b>
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2020</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020</i>	<i>14-42</i>
<b>Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>43 – 44</b>

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần CMC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000395 ngày 20 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và thông tin chi nhánh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần hay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ của doanh nghiệp.

***Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 366.908.870.000 VND***

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ  
Điện thoại : 0210.3 991 706  
Fax : 0210.3 991 800  
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 5 2 3

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh tổng hợp**

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

### **Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính**

Tại ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam và Ông Nguyễn Quang Huy đã thoái hết vốn tại Công ty Cổ phần CMC (tham chiếu thuyết minh số V.18).

### **Các sự kiện quan trọng sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Dương Quốc Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)
Ông Nguyễn Quang Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)
Ông Tạ Quang Vững	Ủy viên	
Ông Kiều Thế Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thành Chung	Ủy viên	
Ông Khổng Phan Đức	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Loan	Ủy viên	
Ông Thái Hoàng Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020 (**)

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	
Ông Dương Quốc Chính	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)
Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Quang Vững	Phó Tổng Giám đốc	

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Ngân Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Kim Văn	Thành viên

**Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Bình Minh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)

(\*) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban lãnh đạo theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2020/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 02 năm 2020.

(\*\*) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban lãnh đạo theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020- NQ- ĐHCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phú Thọ, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Quang Huy**



Số : 2207.02.02/2020/NVT2-BCTC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần CMC, được lập ngày 25 tháng 2 năm 2021 từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

*Hà Nội, Ngày 25 tháng 2 năm 2021*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số:1690-2018-124-1

**Phạm Văn Tuấn**

GCNĐKHNKT số:4497-2018-124-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>796.231.705.794</b>	<b>619.828.714.883</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>154.591.372.374</b>	<b>78.804.143.927</b>
1. Tiền	111		74.591.372.374	53.804.143.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	25.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>66.000.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	66.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>56.656.152.995</b>	<b>39.308.307.614</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.165.489.552	6.190.875.842
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	47.290.185.720	32.640.426.171
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.985.704.046	1.225.466.993
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(785.226.323)	(748.461.392)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>514.674.133.037</b>	<b>496.002.597.616</b>
1. Hàng tồn kho	141		518.231.674.887	499.560.139.466
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.557.541.850)	(3.557.541.850)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.310.047.388</b>	<b>5.713.665.726</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	21.821.015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.310.047.388	5.691.736.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	107.770
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>597.684.180.583</b>	<b>613.187.217.863</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>540.322.937.657</b>	<b>587.900.866.846</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	540.322.937.657	587.900.866.846
<i>Nguyên giá</i>	222		1.423.244.833.047	1.342.580.130.727
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(882.921.895.390)	(754.679.263.881)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>44.777.502.487</b>	<b>17.104.436.651</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	44.777.502.487	17.104.436.651
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.583.740.439</b>	<b>8.181.914.366</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.583.740.439	8.181.914.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.393.915.886.377</b>	<b>1.233.015.932.746</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>630.298.302.005</b>	<b>533.954.430.121</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>594.002.754.590</b>	<b>524.123.680.121</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	183.183.161.799	151.399.026.193
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.846.947.418	29.645.146.209
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.269.695.843	7.801.378.530
4. Phải trả người lao động	314		36.315.857.404	29.580.235.304
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	309.692.034	7.648.537.663
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	39.493.814.676	47.960.989.941
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	318.309.074.607	247.465.608.070
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5.274.510.809	2.622.758.211
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.295.547.415</b>	<b>9.830.750.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	36.295.547.415	9.830.750.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

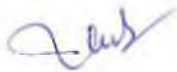
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>763.617.584.372</b>	<b>699.061.502.625</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>750.600.584.372</b>	<b>693.245.502.625</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.876.824.710	14.876.824.710
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		65.160.919.884	56.927.911.286
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		303.653.969.778	254.531.896.629
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		183.029.548.933	89.871.724.670
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120.624.420.845	164.660.171.959
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>13.017.000.000</b>	<b>5.816.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.19	13.017.000.000	5.816.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.393.915.886.377</b>	<b>1.233.015.932.746</b>

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Vũ Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Bình Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.360.411.318.964	1.581.181.750.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	53.053.857.950	113.120.784.163
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.307.357.461.014	1.468.060.966.530
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.083.262.226.039	1.182.579.973.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		224.095.234.975	285.480.992.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.240.233.882	972.783.373
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.403.905.961	29.224.728.348
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.768.480.261	28.343.321.708
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.750.588.431	12.548.260.033
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	47.539.669.921	40.961.937.378
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.641.304.544	203.718.850.327
11. Thu nhập khác	31	VI.7	508.422.807	2.381.424.914
12. Chi phí khác	32	VI.8	94.010.534	54.393.627
13. Lợi nhuận khác	40		414.412.273	2.327.031.287
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		151.055.716.817	206.045.881.614
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	30.431.295.972	41.385.709.655
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>120.624.420.845</u>	<u>164.660.171.959</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>3.123,21</u>	<u>4.263,38</u>

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Bình Minh

Nguyễn Quang Huy



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	151.055.716.817	206.045.881.614
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	128.242.631.509	123.664.598.866
- Các khoản dự phòng	03	36.764.931	2.154.279.734
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	92.626.264	72.138.877
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.215.863.282)	(2.430.562.917)
- Chi phí lãi vay	06	16.768.480.261	28.343.321.708
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	294.980.356.500	357.849.657.882
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.385.690.335)	47.049.266.413
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.671.535.421)	(22.889.938.745)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	37.655.031.701	(22.512.030.598)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.380.005.058)	4.659.440.160
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(16.491.882.418)	(28.140.471.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.640.925.128)	(38.931.095.777)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.201.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.581.256.000)	(14.971.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>247.685.093.841</b>	<b>282.113.027.391</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(148.684.722.397)	(31.407.819.142)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.709.065.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(66.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	598.740.628	905.722.888
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(214.085.981.769)</b>	<b>(28.793.030.454)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.029.310.263.688	1.203.656.101.958
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(932.284.859.336)	(1.349.117.689.985)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(54.838.466.850)	(91.466.137.550)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>42.186.937.502</b>	<b>(236.927.725.577)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>75.786.049.574</b>	<b>16.392.271.360</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>78.804.143.927</b>	<b>62.430.398.333</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.178.873	(18.525.766)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>154.591.372.374</b>	<b>78.804.143.927</b>

Người lập biểu

Vũ Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bình Minh

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2020**

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
  
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.
  
3. **Ngành nghề kinh doanh**  
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
  - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
  - Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
  - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - Xây dựng nhà các loại;
  - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
  - Xây dựng công trình công ích;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
  - Lắp đặt hệ thống điện;
  - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
  - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
  - Hoàn thiện công trình xây dựng;
  - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết; Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
  - Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
  - Khai khoáng chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác caolin, fenspat./.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

4. **Số lượng lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là:** 853 người lao động

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. **Các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ)	580, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng (*)	Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003

Đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện các thủ tục để giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng.

7. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp:** Không có.

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

#### **b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa lớn***

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ..

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

## *Trích lập các quỹ*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020- NQ- ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Số tiền
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%	8.233.008.598
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	8.233.008.598

## *Cổ tức*

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020- NQ- ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020. Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% tương ứng số tiền 55.036.330.500 VND

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

### *b) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

## **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **14. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá** Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR,..v....

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể như sau:  
Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.010 VND/USD và 28.007 VND/EUR.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra bình quân của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.190 VND/USD và 29.049 VND/EUR.

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

#### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### 18. Công cụ tài chính

#### i. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **ii. Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### *iii. Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.575.867.764	846.799.445
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.015.504.610	52.957.344.482
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	25.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>80.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>154.591.372.374</u></b>	<b><u>78.804.143.927</u></b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Việt Trì. Toàn bộ số tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Việt Trì (tham chiếu thuyết minh V.16).

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hương Tài	-	454.344.548
Công ty TNHH TM Tuấn Hồng Phú Thọ	-	261.586.248
Công ty TNHH Thương Mại Cường Đạt	324.955.483	224.112.075
Công ty TNHH TLG Thăng Long	3.893.378.503	675.667.258
Công ty Cổ phần Zetta Việt Nam	435.290.997	1.143.732.928
Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Vĩnh Phú	-	745.794.845
Các đối tượng khác	<u>3.511.864.569</u>	<u>2.685.637.940</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>8.165.489.552</u></b>	<b><u>6.190.875.842</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần tập đoàn Vinatop (thiết bị)	21.388.533.642	22.352.168.483
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí An Dương	10.159.284.576	6.522.212.316
Lide trading Co., Ltd	9.543.853.715	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Liên Việt Phú Thọ	2.349.467.900	-
Winlong trading co.,LTD	-	1.340.487.150
Các đối tượng khác	<u>3.849.045.887</u>	<u>2.425.558.222</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>47.290.185.720</u></b>	<b><u>32.640.426.171</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	202.389.488	-	191.389.488	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.000.000	-	38.000.000	-
Tổng công ty cổ phần Sông Hồng	563.577.538	563.577.538	563.577.538	563.577.538
Trường đào tạo Tổng sông hồng	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Lãi dự thu Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	715.375.342	-	98.252.688	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	416.361.678	-	284.247.279	-
<b>Cộng</b>	<b>1.985.704.046</b>	<b>613.577.538</b>	<b>1.225.466.993</b>	<b>613.577.538</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	167.388.200.123	(2.233.219.343)	232.817.875.747	(2.233.219.343)
Công cụ, dụng cụ	1.002.071.936	-	1.311.948.054	-
Thành phẩm	348.537.010.517	(1.288.983.263)	264.383.174.410	(1.288.983.263)
Hàng hóa	624.856.664	(35.339.244)	281.607.458	(35.339.244)
Hàng gửi đi bán	679.535.647	-	765.533.797	-
<b>Cộng</b>	<b>518.231.674.887</b>	<b>(3.557.541.850)</b>	<b>499.560.139.466</b>	<b>(3.557.541.850)</b>

**8. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào	Số cuối năm
			chi phí trong năm	
Chi phí bảo hiểm	21.821.015	-	21.821.015	-
<b>Cộng</b>	<b>21.821.015</b>	<b>-</b>	<b>21.821.015</b>	<b>-</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước dài hạn:

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào	Số cuối năm
			chi phí trong năm	
Chi phí sửa chữa cải tạo CMC1	473.586.919	173.407.273	(482.412.944)	164.581.248
Chi phí sửa chữa cải tạo CMC2	2.033.138.472	3.247.901.520	(2.070.714.766)	3.210.325.226
Phí hạ tầng khu công nghiệp	285.898.074	-	(8.674.177)	277.223.897
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.389.290.901	11.795.623.619	(8.253.304.452)	8.931.610.068
<b>Cộng</b>	<b>8.181.914.366</b>	<b>15.216.932.412</b>	<b>(10.815.106.339)</b>	<b>12.583.740.439</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	287.531.893.952	1.013.261.506.842	40.106.302.136	1.680.427.797	1.342.580.130.727
Tăng trong năm do mua sắm mới	4.632.250.909	29.159.902.036	3.892.017.273	88.181.818	37.772.352.036
Tăng trong năm do đầu tư XDCB hoàn thành	5.180.848.619	37.711.501.665	-	-	42.892.350.284
<b>Số cuối năm</b>	<b>297.344.993.480</b>	<b>1.080.132.910.543</b>	<b>43.998.319.409</b>	<b>1.768.609.615</b>	<b>1.423.244.833.047</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>88.087.616.149</i>	<i>281.412.825.570</i>	<i>8.445.020.830</i>	<i>1.572.027.797</i>	<i>379.517.490.346</i>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	153.412.791.234	578.771.553.401	20.934.814.372	1.560.104.874	754.679.263.881
Khấu hao trong năm	27.288.397.142	95.431.802.800	5.478.637.187	43.794.380	128.242.631.509
<b>Số cuối năm</b>	<b>180.701.188.376</b>	<b>674.203.356.201</b>	<b>26.413.451.559</b>	<b>1.603.899.254</b>	<b>882.921.895.390</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	134.119.102.718	434.489.953.441	19.171.487.764	120.322.923	587.900.866.846
<b>Số cuối năm</b>	<b>116.643.805.104</b>	<b>405.929.554.342</b>	<b>17.584.867.850</b>	<b>164.710.361</b>	<b>540.322.937.657</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.029.943.794.600 VND và 431.707.009.768 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Việt Trì.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình xây dựng dở dang	17.104.436.651	38.795.416.120	(42.892.350.284)	13.007.502.487
Dự án tại Khu Đất Bạch Hạc	-	31.770.000.000	-	31.770.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.104.436.651</b>	<b>70.565.416.120</b>	<b>(42.892.350.284)</b>	<b>44.777.502.487</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Lan	11.216.453.027	23.166.233.049
Công ty TNHH Hương Tài	6.099.651.800	4.554.673.200
Công ty Cổ phần IDC	6.494.316.840	-
Công ty TNHH Hoàn Cường	490.697.118	8.171.920.542
Công ty Cổ phần thương mại và vận chuyển Bình Minh	7.700.926.215	2.764.257.156
Công ty TNHH MTV SX & TM nguyên liệu Ceramic VN	10.297.989.100	6.273.414.600
Công ty TNHH Nam Giang Phú Thọ	8.720.643.480	7.892.530.480
Hãng Panson Ceramics (Hongkong)	14.639.035.450	5.940.816.970
Công ty Cổ phần tập đoàn Vinatop	35.283.525.914	16.727.800.618
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc YCA Limited	4.103.110.108	7.183.948.778
YCA Limited	4.379.312.150	-
Lide Trading Co., Ltd	-	4.332.859.615
Công ty TNHH MTV vận tải Sơn Tùng BX	3.226.383.300	1.128.277.200
Foshan Winlong Trading Co.,LTD	-	2.670.404.650
Các đối tượng khác	70.531.117.297	60.591.889.335
<b>Cộng</b>	<b>183.183.161.799</b>	<b>151.399.026.193</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Hòa Bình Minh	1.759.094.230	9.119.167.189
Công ty Cổ phần ITACA Việt Nam	90.184.756	4.770.973.147
Công ty TNHH Đại Long	4.676.183	2.596.592.801
Công ty Cổ phần phát triển Hòa Bình	144.079.510	2.143.180.650
Công ty Cổ Phần Gạch Men MILAN HOME	-	1.615.829.923
Công ty TNHH Hải Vinh	-	3.133.067.000
Công ty TNHH VINAMEN	794.178.465	564.067.625
Công ty TNHH Trường Thành Bắc Giang	16.128.843	830.061.043
Các đối tượng khác	2.038.605.431	4.872.206.831
<b>Cộng</b>	<b>4.846.947.418</b>	<b>29.645.146.209</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	309.692.034	315.953.791
Tiền thuê đất phải nộp bổ sung	-	7.332.583.872
<b>Cộng</b>	<b><u>309.692.034</u></b>	<b><u>7.648.537.663</u></b>

**15. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.538.798.530	1.081.971.565
Bảo hiểm xã hội	-	620.698.183
Cổ tức phải trả	1.150.352.045	952.488.395
Phải trả đại lý tiền chiết khấu, đặt cọc	18.761.263.107	37.392.502.370
Thưởng kế hoạch 2016	2.541.150.000	2.541.150.000
Thưởng kế hoạch 2017	3.541.800.000	3.541.800.000
Tiền ủng hộ của CBNV	1.383.960.281	1.083.260.279
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.576.490.713	747.119.149
<b>Cộng</b>	<b><u>39.493.814.676</u></b>	<b><u>47.960.989.941</u></b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	302.784.498.306	302.784.498.306	213.330.045.790	213.330.045.790
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)</i>	73.546.030.619	73.546.030.619	47.295.537.806	47.295.537.806
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)</i>	5.657.565.906	5.657.565.906	84.855.577.565	84.855.577.565
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (3)</i>	127.624.504.626	127.624.504.626	81.178.930.419	81.178.930.419
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì (4)</i>	95.956.397.155	95.956.397.155	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác	5.080.535.286	5.080.535.286	9.279.867.034	9.279.867.034
Vay dài hạn đến hạn trả	10.444.041.015	10.444.041.015	24.855.695.246	24.855.695.246
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)</i>	4.687.791.015	4.687.791.015	16.599.445.246	16.599.445.246
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)</i>	3.256.250.000	3.256.250.000	3.256.250.000	3.256.250.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)</i>	2.500.000.000	2.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>318.309.074.607</u></b>	<b><u>318.309.074.607</u></b>	<b><u>247.465.608.070</u></b>	<b><u>247.465.608.070</u></b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/399109/HĐTĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, hạn mức cấp tín dụng là 150.000.000.000 VND, bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh và mở L/C từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7190810/HĐTĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 chuyển sang; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

- + Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/399/109/HĐBĐ ngày 28/10/2014
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/399109/HĐBĐ ngày 04/7/2016
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/399109/HĐBĐ ngày 12/4/2019

2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 19/DN-DB/NHHM390 ngày 11 tháng 11 năm 2019, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này (*Hợp đồng hạn mức tín dụng này đã được gia hạn đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2021*), thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích sử dụng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 14/BĐS/445.A ngày 25 tháng 9 năm 2014

+ Máy móc thiết bị thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp số 14/MMTB/445.B ngày 25 tháng 9 năm 2014

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTĐHTTTL/VCB-VTB-CMC266.01 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTĐHTTTL/VCB-VTB-CMC266.02 ngày 23 tháng 05 năm 2017

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0201/2020-HĐCVHM/NHCT244 - Công ty cổ phần CMC ngày 25 tháng 02 năm 2020, hạn mức cho vay là 180.000.000.000 VND, bao gồm toàn bộ dư nợ vay từ hợp đồng tín dụng số 181219/2018-HĐCVHM/NHCT24-CTCPCMC ngày 19 tháng 12 năm 2018; mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 25 tháng 02 năm 2021.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Việt Trì theo Hợp đồng tín dụng số 58105.20.351.400854.TD ngày 09 tháng 11 năm 2020, số tiền cấp hạn mức tín dụng không vượt quá 225.000.000.000 VND; Thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2021, thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn tại văn bản nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất gạch, ngói của CMC. Khoản vay được đảm bảo bằng Phương tiện vận tải; máy móc thiết bị; hàng hóa; khoản phải thu hình thành trong tương lai, Bất động sản theo quy định của MB từng thời kỳ; Hợp đồng tiền gửi số 44562.20.351.400854.TG.DN và hợp đồng tiền gửi số 44935.20.351.400854.TG.DN.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 14251005/2014-HDDTDDDA/NHCT244-CTCPCMC ngày 08 tháng 11 năm 2014, số tiền vay không vượt quá 194.000.000.000 VND, mục đích đầu tư xây dựng nhà máy gạch CMC số 2 - giai đoạn 2, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là nhà xưởng, các công trình, máy móc thiết bị của nhà máy CMC số 2 - giai đoạn 2.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Lãi vay nhập gốc</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	213.330.045.790	990.107.752.940	-	-	(900.653.300.424)	302.784.498.306
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)</i>	<i>47.295.537.806</i>	<i>247.081.239.017</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(220.830.746.204)</i>	<i>73.546.030.619</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)</i>	<i>84.855.577.565</i>	<i>170.491.553.583</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(249.689.565.242)</i>	<i>5.657.565.906</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (3)</i>	<i>81.178.930.419</i>	<i>476.578.563.185</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(430.132.988.978)</i>	<i>127.624.504.626</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì (4)</i>	<i>-</i>	<i>95.956.397.155</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>95.956.397.155</i>
Vay ngắn hạn cá nhân	9.279.867.034	3.628.000.000	-	282.859.600	(8.110.191.348)	5.080.535.286
Vay dài hạn đến hạn trả	24.855.695.246	-	5.756.250.000	-	(20.167.904.231)	10.444.041.015
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)</i>	<i>16.599.445.246</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(11.911.654.231)</i>	<i>4.687.791.015</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)</i>	<i>3.256.250.000</i>	<i>-</i>	<i>3.256.250.000</i>	<i>-</i>	<i>(3.256.250.000)</i>	<i>3.256.250.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>-</i>	<i>(5.000.000.000)</i>	<i>2.500.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>247.465.608.070</u></b>	<b><u>993.735.752.940</u></b>	<b><u>5.756.250.000</u></b>	<b><u>282.859.600</u></b>	<b><u>(928.931.396.003)</u></b>	<b><u>318.309.074.607</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

## b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)	18.604.270.748	18.604.270.748		
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)	10.773.176.667	10.773.176.667	9.830.750.000	9.830.750.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)	6.918.100.000	6.918.100.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36.295.547.415</b>	<b>36.295.547.415</b>	<b>9.830.750.000</b>	<b>9.830.750.000</b>

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo các Hợp đồng tín dụng sau

+ Hợp đồng tín dụng số 3023403/2020-HĐCVĐAT/NHCT244-CMC ngày 30 tháng 07 năm 2020, số tiền vay không vượt quá 27.300.000.000 VND, mục đích cải tạo xây dựng và lắp đặt thiết bị nâng cao năng lực sản xuất - Nhà máy gạch số 2, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 17/MMTBHTTTL/VCB-VTB-CMC266.02 ngày 23/05/2017.

+ Hợp đồng tín dụng số 3023413/2020-HĐCVĐAT/NHCT244-CMC ngày 30 tháng 09 năm 2020, số tiền vay không vượt quá 2.000.000.000 VND, mục đích dự án sửa chữa cải tạo lò nung dây chuyên sản xuất số 2 và cải tạo mái nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2 tại nhà máy gạch CMC số 2, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 17/MMTBHTTTL/VCB-VTB-CMC266.02 ngày 23/05/2017.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/399109/HĐTD ngày 03 tháng 12 năm 2018, mục đích vay đầu tư bổ sung thiết bị nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm cho dây chuyền sản xuất - Nhà máy gạch CMC số 1, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 9,8%/năm, tài sản đảm bảo căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/399109/HĐBĐ.

+Hợp đồng tín dụng số 04/2019/399109/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2019, hạn mức cho vay là 10.000.000.000VND, mục đích vay đầu tư TSCĐ gián tiếp để thanh toán chi phí liên quan phương án đầu tư thay thế trạm sấy phun, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các Hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo Hợp đồng tín dụng này bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/399/109/HĐBĐ ngày 28/10/2014
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/399109/HĐBĐ ngày 04/7/2016
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/399109/HĐBĐ ngày 12/4/2019
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/2019/399109/HĐBĐ ngày 24/12/2019

(7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20BB/DN-DB/THTL03 ngày 10/01/2020, số tiền vay là 15.000.000.000 VND, mục đích vay tài trợ nhu cầu đầu tư mới dây chuyền lò nung gạch men ốp lát tại Dây truyền sản xuất số 1 - Nhà máy gạch CMC số 2, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo bao gồm:

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

- + Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 14/BDS/445.A ngày 25 tháng 9 năm 2014.
- + Máy móc thiết bị thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp số 14/MMTB/445.B ngày 25 tháng 9 năm 2014.
- + Dây chuyền máy mài gạch cạnh đảo chiều kiểu khô + bộ tách bụi và Máy in HOPEJET YHZ700/5 theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 16/MMTB/435-01 ký ngày 30/11/2016.
- + Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTĐHTTTL/VCB-VTB-CMC266.01 ngày 23 tháng 05 năm 2017.
- + Máy móc thiết bị của nhà máy gạch CMC số 2, giai đoạn 3 theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 19/MMTB/390 ký ngày 11/11/2019.
- + Hàng hóa luân chuyển của Công ty cổ phần CMC theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 19/HTK/390 ký ngày 11/11/2019.
- + Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 20BB/MMTBTL/03 ký ngày 10/1/2020.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)	-	18.604.270.748	-	-	18.604.270.748
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)	9.830.750.000	6.052.140.000	(3.256.250.000)	(1.853.463.333)	10.773.176.667
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)	-	10.918.100.000	(2.500.000.000)	(1.500.000.000)	6.918.100.000
<b>Cộng</b>	<b>9.830.750.000</b>	<b>35.574.510.748</b>	<b>(5.756.250.000)</b>	<b>(3.353.463.333)</b>	<b>36.295.547.415</b>

### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.622.758.211	8.233.008.598	(5.581.256.000)	5.274.510.809
<b>Cộng</b>	<b>2.622.758.211</b>	<b>8.233.008.598</b>	<b>(5.581.256.000)</b>	<b>5.274.510.809</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	48.828.586.336	197.797.592.070	628.411.873.116
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	164.660.171.959	164.660.171.959
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(91.727.217.500)	(91.727.217.500)
Trích lập các quỹ	-	-	8.099.324.950	(16.198.649.900)	(8.099.324.950)
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>366.908.870.000</b>	<b>14.876.824.710</b>	<b>56.927.911.286</b>	<b>254.531.896.629</b>	<b>693.245.502.625</b>
Số dư đầu năm nay	366.908.870.000	14.876.824.710	56.927.911.286	254.531.896.629	693.245.502.625
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	120.624.420.845	120.624.420.845
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(55.036.330.500)	(55.036.330.500)
Trích lập các quỹ	-	-	8.233.008.598	(16.466.017.196)	(8.233.008.598)
<b>Số cuối năm</b>	<b>366.908.870.000</b>	<b>14.876.824.710</b>	<b>65.160.919.884</b>	<b>303.653.969.778</b>	<b>750.600.584.372</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020- NQ- ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Công ty như sau:

	<b>Mục đích</b>	<b>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Số tiền</b>
Cổ tức	Trả cổ tức bằng tiền cho Cổ đông	15%	55.036.330.500
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%	8.233.008.598
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	8.233.008.598

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hòa Bình Minh	3.492.360	34.923.600.000	9,52%	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	-	-	-	3.999.088	39.990.880.000	10,90%
Ông Nguyễn Quang Huy	-	-	-	2.468.707	24.687.070.000	6,73%
Các cổ đông khác	33.198.527	331.985.270.000	90,48%	30.223.092	302.230.920.000	82,37%
<b>Cộng</b>	<b>36.690.887</b>	<b>366.908.870.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>36.690.887</b>	<b>366.908.870.000</b>	<b>100,00%</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.690.887	36.690.887
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19. Nguồn kinh phí**

Là Khoản kinh phí được cấp theo Quyết định số 18-/QĐ-NATIF-HĐQL năm 2017 của Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học Công nghệ về việc phê duyệt cấp kinh phí thực hiện dự án “Nghiên cứu làm chủ, ứng dụng công nghệ sản xuất gạch Granite thấm muối tan công suất 3.000.000 m<sup>2</sup>/năm”. Theo đó tổng số kinh phí được tài trợ từ quỹ là 15.757.000.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ đã giải ngân về cho Công ty số tiền là 13.017.000.000 đồng.

**20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán tổng hợp****a) Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	7.032,50	9.265,61
Euro (EUR)	2.578,5	2.755,0

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2017	584.352.672	584.352.672
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2018	539.031.714	539.031.714
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2019	2.434.936.021	2.434.936.021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.360.411.318.964</b>	<b>1.581.181.750.693</b>
+ <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	226.610.760	788.852.500
+ <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.352.790.377.479	1.572.008.569.087
+ <i>Doanh thu khác</i>	7.394.330.725	8.384.329.106
Các khoản giảm trừ doanh thu	(53.053.857.950)	(113.120.784.163)
+ <i>Chiết khấu thương mại</i>	(53.053.857.950)	(113.120.784.163)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.307.357.461.014</b>	<b>1.468.060.966.530</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	195.312.960	560.272.375
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.083.066.913.079	1.179.022.431.967
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	3.557.541.850
<b>Cộng</b>	<b>1.083.262.226.039</b>	<b>1.182.579.973.817</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.215.863.282	905.722.888
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.370.600	67.060.485
<b>Cộng</b>	<b>1.240.233.882</b>	<b>972.783.373</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.768.480.261	28.343.321.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	529.326.709	770.363.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	92.626.264	72.138.877
Chi phí tài chính khác	13.472.727	38.904.545
<b>Cộng</b>	<b>17.403.905.961</b>	<b>29.224.728.348</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.338.961.167	4.554.710.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.049.378.970	518.723.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.265.842.396	5.810.605.992
Chi phí bằng tiền khác	1.096.405.898	1.664.219.697
<b>Cộng</b>	<b>9.750.588.431</b>	<b>12.548.260.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	26.831.183.992	21.267.206.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.266.782.600	2.303.236.517
Thuế, phí và lệ phí	7.340.972	3.643.420
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	36.764.931	1.031.673.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.220.755.782	9.240.565.129
Chi phí bằng tiền khác	11.176.841.644	7.115.611.438
<b>Cộng</b>	<b><u>47.539.669.921</u></b>	<b><u>40.961.937.378</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ không phải thanh toán	301.662.115	158.455.193
Thu bồi thường từ Trung tâm phát triển Quỹ đất	-	1.097.067.000
Thu thanh lý	-	427.773.029
Giảm trừ 10% theo Chính sách thanh toán của Foshan Skyplanet Import and Export	-	437.293.136
Thu nhập khác	206.760.692	260.836.556
<b>Cộng</b>	<b><u>508.422.807</u></b>	<b><u>2.381.424.914</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	88.629.804	4.000.000
Chi phí khác	5.380.730	50.393.627
<b>Cộng</b>	<b><u>94.010.534</u></b>	<b><u>54.393.627</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	151.055.716.817	206.045.881.614
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	947.296.465	882.666.661
- Các khoản điều chỉnh tăng	947.296.465	882.666.661
+ Chi phí khấu hao	758.666.661	758.666.661
+ Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	100.000.000	120.000.000
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính	88.629.804	4.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	152.003.013.282	206.928.548.275
Thu nhập tính thuế	152.003.013.282	206.928.548.275
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.400.602.656	41.385.709.655
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	30.693.316	-
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>30.431.295.972</u></b>	<b><u>41.385.709.655</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	120.624.420.845	164.660.171.959
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.031.221.042)	(8.233.008.598)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	114.593.199.803	156.427.163.361
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.690.887	36.690.887
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.123,21</u></b>	<b><u>4.263,38</u></b>

(\*) Số trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được ước tính 5% Lợi nhuận năm 2020

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	36.690.887	36.690.887
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>36.690.887</u></b>	<b><u>36.690.887</u></b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	845.184.206.907	912.418.733.672
Chi phí nhân công	129.655.002.655	131.472.414.470
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.356.205.167	11.303.999.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.242.631.509	123.664.598.866
Chi phí dự phòng	36.764.931	2.320.657.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.635.650.191	112.837.173.200
Chi phí khác bằng tiền	18.314.548.028	16.383.484.210
<b>Cộng</b>	<b><u>1.224.425.009.388</u></b>	<b><u>1.310.401.061.369</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay cá nhân	282.859.600	369.331.600

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

	Năm nay	Năm trước
<i>Ban Lãnh đạo</i>		
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.806.052.152	5.071.134.447
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.922.497.000	10.489.610.250

### 2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại và toàn bộ hoạt động của Công ty hầu hết ra trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu xuất khẩu chiếm dưới 5%. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	318.309.074.607	36.295.547.415	-	354.604.622.022
Phải trả người bán	183.183.161.799	-	-	183.183.161.799
Các khoản phải trả khác	76.119.364.114	-	-	76.119.364.114
<b>Cộng</b>	<b>577.611.600.520</b>	<b>36.295.547.415</b>	<b>-</b>	<b>613.907.147.935</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	247.465.608.070	9.830.750.000	-	257.296.358.070
Phải trả người bán	151.399.026.193	-	-	151.399.026.193
Các khoản phải trả khác	85.189.762.908	-	-	85.189.762.908
<b>Cộng</b>	<b>484.054.397.171</b>	<b>9.830.750.000</b>	<b>-</b>	<b>493.885.147.171</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<b>Giá trị sổ sách</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.591.372.374	78.804.143.927	154.591.372.374	78.804.143.927
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	66.000.000.000	-	66.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	8.025.954.967	6.088.106.188	8.025.954.967	6.088.106.188
Các khoản phải thu khác	1.372.126.308	611.889.255	1.372.126.308	611.889.255
<b>Cộng</b>	<b>229.989.453.649</b>	<b>85.504.139.370</b>	<b>229.989.453.649</b>	<b>85.504.139.370</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	354.604.622.022	257.296.358.070	354.604.622.022	257.296.358.070
Phải trả người bán	183.183.161.799	151.399.026.193	183.183.161.799	151.399.026.193
Các khoản phải trả khác	76.119.364.114	85.189.762.908	76.119.364.114	85.189.762.908
<b>Cộng</b>	<b>613.907.147.935</b>	<b>493.885.147.171</b>	<b>613.907.147.935</b>	<b>493.885.147.171</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

#### 5. Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Tại ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam và Ông Nguyễn Quang Huy đã thoái hết vốn tại Công ty Cổ phần CMC (tham chiếu thuyết minh số V.18).

#### 6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Bình Minh

Nguyễn Quang Huy



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tên đối tượng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Hoàng Dương	Quá hạn trên 3 năm	18.469.335	(18.469.335)	Quá hạn trên 3 năm	18.469.335	(18.469.335)
Công ty cổ phần đầu tư TM & DV Thành Đạt	Quá hạn trên 3 năm	5.000.000	(5.000.000)	Quá hạn trên 3 năm	5.000.000	(5.000.000)
Cửa hàng Quảng Hương	Quá hạn trên 3 năm	12.384.200	(12.384.200)	Quá hạn trên 3 năm	12.384.200	(12.384.200)
Cửa hàng Đỗ Quang Hiệp	Quá hạn trên 3 năm	84.500	(84.500)	Quá hạn trên 3 năm	84.500	(84.500)
Tổng Công ty Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	563.577.738	(563.577.738)	Quá hạn trên 3 năm	563.577.738	(563.577.738)
Trường đào tạo Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	50.000.000	(50.000.000)	Quá hạn trên 3 năm	50.000.000	(50.000.000)
Công ty luật Hợp danh Hùng Vương	Quá hạn trên 3 năm	20.000.000	(20.000.000)	Quá hạn trên 3 năm	20.000.000	(20.000.000)
Công ty TNHH Vũ Quốc	Quá hạn trên 3 năm	12.114.000	(12.114.000)	Quá hạn trên 3 năm	12.114.000	(12.114.000)
Khách lẻ Chi nhánh HCM Cũ	Quá hạn trên 3 năm	48.411.210	(48.411.210)	Quá hạn trên 3 năm	48.411.210	(48.411.210)
Công ty TNHH Bao Bì Quang Hưng	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	5.503.980	(3.852.785)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	5.503.980	(2.751.990)
Công ty TNHH MTV Xây dựng và thương mại Mai Hưng	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	2.411.720	(1.688.205)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	2.411.720	(1.205.860)
Công ty cổ phần Hoàng Long Yên	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	19.470.200	(13.629.140)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	19.470.200	(9.735.100)
Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Trường Thịnh	-	-	-	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	9.454.916	(4.727.459)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tên đối tượng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập
Đào Xuân Duân	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	16.565.114	(8.282.557)	-	-	-
Công Ty TNHH VINA Tân Sang	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	2.314.834	(1.157.417)	-	-	-
Công ty TNHH XD TM Công Danh Nội Thất Đẹp	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	1.763.960	(881.980)	-	-	-
Hộ kinh doanh Phương Thủy	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	2.536.600	(1.268.300)	-	-	-
Công ty TNHH đầu tư và phát triển xây dựng Đại Nam	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	3.004.800	(1.502.400)	-	-	-
Công Ty TNHH TM Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	45.845.109	(22.922.556)	-	-	-
<b>Tổng</b>		<b>829.457.300</b>	<b>(785.226.323)</b>		<b>766.881.799</b>	<b>(748.461.392)</b>

